TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09-9-2019
V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

2. Bà Võ Thị Hương Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tưởng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Ngô Hữu Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019, về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2019/QĐXX-ST ngày 05 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Mỹ H, sinh năm 1990; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp x, xã TP2, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; Chổ ở hiện nay: khóm VC2, phường VN, thành phố CĐ, tỉnh An Giang. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Trịnh Văn T, sinh năm 1986; Địa chỉ nơi cư trú: ấp x, xã TP2, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Hồ Thị Mỹ H trình bày: Vào tháng 4 năm 2013 (không nhớ ngày, nhằm tháng 02/2013 âm lịch), chị và anh Trịnh Văn T cưới nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP1, huyện HN, hôn nhân do mai mối nhưng chị vẫn đồng ý. Sau khi cưới vợ chồng anh chị sống với gia đình của anh T. Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thay đổi tính tình, cư xử thiếu tôn trọng chị, bất đồng quan điểm không thể khắc phục được. Chị và anh T đã ly thân từ tháng 02 năm 2019 đến nay, nay chị nhận thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại được, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trịnh Văn T.

Về việc nuôi con: Trong thời gian chung sống, chị và anh Trịnh Văn T có 01 con chung tên Trịnh Văn Minh T1, sinh ngày 03/7/2014, hiện nay cháu đang sống với anh T. Nay ly hôn, chị thống nhất để anh T tiếp tục nuôi dưỡng con chung và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh Trịnh Văn T chung sống không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh Trịnh Văn T chung sống không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Trịnh Văn T, Toà án đã triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng anh từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Hồ Thị Mỹ H được ly hôn với anh Trịnh Văn T; về con chung: giao cháu Trịnh Văn Minh T1, sinh ngày 03/7/2014 cho anh Trịnh Văn T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Hồ Thị Mỹ H không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

[2l Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Trịnh Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Hồ Thị Mỹ H và anh Trịnh Văn T là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014. Xét yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh T, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời trình bày của chị H tại phiên tòa hôm nay thì cuộc sống của chị và anh T không hạnh phúc nguyên nhân là do anh T thay đổi tính tình, cư xử thiếu tôn trọng chị, bất đồng quan điểm không thể khắc phục được, chị và anh T đã không còn sống chung từ tháng 02 năm 2019 đến nay. Trong thời gian vợ chồng không còn sống chung không có gặp nhau để bàn bạc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đối với anh T thì Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa án để hòa giải, động viên cho vợ chồng đoàn tụ, nhưng anh vẫn không đến và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của chị H và anh T hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho chị Hồ Thị Mỹ H ly hôn với anh Trịnh Văn T.

[4] Về việc nuôi con: Tại phiên tòa hôm nay, chị H thống nhất giao Trịnh Văn Minh T1, sinh ngày 03/7/2014 cho anh Trịnh Văn T1 được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi chị H và anh T không còn sống chung thì cháu Minh T1 sống với

anh T, vì vậy để ổn định cuộc sống của cháu, giao cháu Minh T1 cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và không buộc chị H cấp dưỡng nuôi con do anh T không có văn bản yêu cầu. Nếu khi nào anh T có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì anh có quyền khởi kiện một vụ kiện khác.

[5] Về tài sản chung: Do chị H trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh T không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về nợ chung: Do chị H trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh T không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHI4 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHI4 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hồ Thị Mỹ H và anh Trịnh Văn T.

2. Về việc nuôi con:

2.1. Anh Trịnh Văn T được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con chung tên Trịnh Văn Minh T1, sinh ngày 03/7/2014.

2.2. Chị Hồ Thị Mỹ H không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Hồ Thị Mỹ H chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000801 ngày 24/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- UBND xã TP1;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Lương Bằng